



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Woncheol Park
Ông Nguyễn Đoàn Hùng
Ông David Tan Wei Ming

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Danny Le
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Nguyễn Anh Nguyên

Tổng Giám đốc
(đến ngày 18 tháng 6 năm 2020)
Tổng Giám đốc
(từ ngày 19 tháng 6 năm 2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 4 năm 2020)

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Danny Le

Chủ tịch
Tổng Giám đốc
(từ ngày 19 tháng 6 năm 2020)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00213-20-1



Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		838.336.291.085	6.298.040.740.461
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	348.865.544.257	476.294.341.206
Tiền	111		12.865.544.257	2.294.341.206
Các khoản tương đương tiền	112		336.000.000.000	474.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.571.530.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	-	1.571.530.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	478.947.623.704	4.240.471.948.527
Trả trước cho người bán	132		3.865.632.318	3.190.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		226.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		249.081.991.386	4.240.468.758.527
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.523.123.124	9.744.450.728
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.665.477.014	1.886.804.618
Thuế phải thu Nhà nước	153	9	7.857.646.110	7.857.646.110
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		45.681.604.855.072	34.830.897.210.144
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	4.828.186.052	1.295.858.846.565
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	150.656.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.828.186.052	1.145.202.846.565
Tài sản cố định	220		9.479.282.515	9.528.397.295
Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.479.282.515	9.528.397.295
Nguyên giá	222		38.875.438.309	37.161.890.309
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.396.155.794)	(27.633.493.014)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Tài sản dở dang dài hạn	240		696.685.231	696.685.231
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		696.685.231	696.685.231
Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.666.199.401.891	33.524.347.299.991
Đầu tư vào các công ty con	251	7(b)	21.284.790.202.463	29.145.510.222.355
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(d)	20.002.572.121.792	-
Tài sản dài hạn khác	260		401.299.383	465.981.062
Chi phí trả trước dài hạn	261		401.299.383	465.981.062
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		46.519.941.146.157	41.128.937.950.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

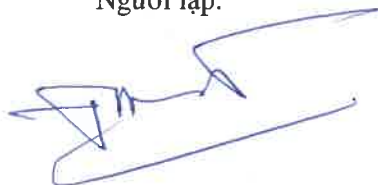
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		20.924.234.627.548	15.480.242.870.484
Nợ ngắn hạn	310		7.199.819.846.538	13.995.566.205.907
Phải trả người bán	311		85.420.000.000	3.063.940.380
Chi phí phải trả	315	12	364.540.594.253	151.290.455.298
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.310.379.800.230	12.841.211.810.229
Trái phiếu ngắn hạn	320	14	4.439.479.452.055	1.000.000.000.000
Nợ dài hạn	330		13.724.414.781.010	1.484.676.664.577
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	14	13.724.414.781.010	1.484.676.664.577
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		25.595.706.518.609	25.648.695.080.121
Vốn chủ sở hữu	410	15	25.595.706.518.609	25.648.695.080.121
Vốn cổ phần	411	16	11.689.464.470.000	11.689.464.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	11.084.356.541.079	11.084.356.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.517.223.690.098	4.570.212.251.610
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.570.212.251.610	3.220.188.542.728
- (Lỗ kỳ này)/lợi nhuận năm trước	421b		(52.988.561.512)	1.350.023.708.882
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		46.519.941.146.157	41.128.937.950.605

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	449.410.324.681	185.714.653.575
Chi phí tài chính	22	20	393.957.155.116	143.250.000.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		366.421.588.905	135.750.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	108.441.731.077	90.387.881.957
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(52.988.561.512)	(47.923.228.382)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30)	50		(52.988.561.512)	(47.923.228.382)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(52.988.561.512)	(47.923.228.382)

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Đoàn Thị Mỹ Duyên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Michael Hung Nguyen
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(52.988.561.512)	(47.923.228.382)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.762.662.780	1.497.187.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(25.119)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(449.410.324.681)	(185.651.470.918)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		393.826.588.866	143.250.000.000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(106.809.634.547)	(88.827.536.619)
Giảm các khoản phải thu và tài sản khác	09		250.925.698.022	84.888.452.230
Giảm các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(34.973.043.549)	(43.675.927.249)
Tăng chi phí trả trước	12		(713.990.717)	(4.651.360.939)
Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	13		1.571.530.000.000	(426.530.000.000)
			1.679.959.029.209	(478.796.372.577)
Tiền lãi vay đã trả	14		(377.855.336.888)	(136.125.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.302.103.692.321	(614.921.372.577)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.713.548.000)	(320.267.728)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(9.781.002.250.000)	(590.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		9.705.658.250.000	944.348.390.000
Tiền chi đầu tư	25		(31.219.171.121.792)	(162.820.203.282)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		11.579.935.876.240	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay và cổ tức	27		2.263.047.735.755	125.267.790.665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.453.245.057.797)	316.475.709.655

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

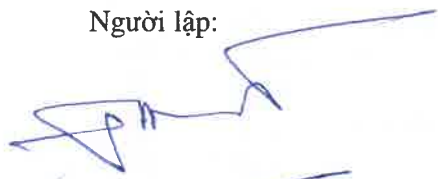
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	57.968.990.000
Tiền thu từ đi vay và trái phiếu	33		18.115.986.541.130	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.092.273.972.603)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.023.712.568.527	57.968.990.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(127.428.796.949)	(240.476.672.922)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		476.294.341.206	681.197.208.270
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	25.119
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	348.865.544.257	440.720.560.467

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính



Danny Le
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 48 nhân viên (1/1/2020: 48 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ báo cáo soát xét riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyên | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phát triển phần mềm vi tính chưa được hoàn tất. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phân chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(o) Chi trả bằng cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc thành lập công ty con là Công ty TNHH SHERPA (“SHERPA”).

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2020, Công ty đã chuyển toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH cho Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”) và toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong VCM cho SHERPA.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2020, Công ty đã mua 12,6% vốn cổ phần tại CrownX từ bên thứ ba.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	12.800.717.554	2.229.514.503
Các khoản tương đương tiền	336.000.000.000	474.000.000.000
	348.865.544.257	476.294.341.206

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

7. Đầu tư

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	-	1.571.530.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	21.284.790.202.463	29.145.510.222.355
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (d)	20.002.572.121.792	-
	45.666.199.401.891	33.524.347.299.991

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh	30/6/2020			1/1/2020				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trái phiếu của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan), một công ty con sở hữu gián tiếp ▪ Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp ▪ Trái phiếu khác 	-	-	-	-	7.500.000	750.000.000.000	(*)	-
	-	-	-	-	5.000.000	500.000.000.000	(*)	-
	-	-	-	-	32.153	321.530.000.000	(*)	-
		-	-	-		1.571.530.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2020				1/1/2020					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH Tầm nhìn Masan ("MH")	99,9%	99,9%	18.737.200.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	13.737.200.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")	79,3%	79,3%	2.030.991.202.463	-	11.987.764.675.400	79,3%	79,3%	2.030.991.202.463	-	16.978.379.154.000
▪ Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")	99,9%	99,9%	516.599.000.000	-	(*)	-	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH")	-	-	-	-	(*)	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM ("VCM")	-	-	-	-	(*)	83,7%	83,7%	12.860.719.019.892	-	(*)
			21.284.790.202.463	-	(*)			29.145.510.222.355	-	(*)

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào MML tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MH VND	MML VND	MCH VND	VCN VND	SHERPA VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.737.200.000.000	2.030.991.202.463	516.600.000.000	12.860.719.019.892	-	29.145.510.222.355
Tăng trong kỳ	5.000.000.000.000	-	-	-	516.599.000.000	5.516.599.000.000
Thanh lý	-	-	(516.600.000.000)	(12.860.719.019.892)	-	(13.377.319.019.892)
Số dư cuối kỳ	18.737.200.000.000	2.030.991.202.463	-	-	516.599.000.000	21.284.790.202.463

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	30/6/2020		1/1/2020	
	% sở hữu trên vốn cổ phần	% quyền biểu quyết trên vốn cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	15,0%	15,0%	4.378.837.077.636	10.250.368.005.450
			15,0%	4.378.837.077.636
				15,0%
				4.378.837.077.636
				12.347.630.001.450

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	30/6/2020			1/1/2020					
	% sở hữu trên vốn cổ phần	% quyền biểu quyết trên vốn cổ phần	Dự phòng giảm giá đầu tư VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu trên vốn cổ phần	Dự phòng giảm giá đầu tư VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”)	12,6%	12,6%	-	20.002.572.121.792	(*)	-	-	-	-

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu từ một bên liên quan (*)	226.000.000.000	-

(b) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.500.000	2.250.034.500.000
Phải thu từ các bên liên quan (*)	247.990.517.621	1.983.421.983.658
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu phải thu	-	6.138.462.464
Phải thu khác	1.061.973.765	873.812.405
	249.081.991.386	4.240.468.758.527

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 244.124 triệu VND (1/1/2020: 1.124.124 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu vào tháng 12 năm 2020;
- 1.479 triệu VND (1/1/2020: không) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 6 năm 2021; và
- 2.388 triệu VND (1/1/2020: không) liên quan đến lãi phải thu của các khoản vay không được đảm bảo trị giá 226 triệu VND cấp cho một công ty con (1/1/2020: 150.656 triệu VND). Khoản vay này đáo hạn vào tháng 6 năm 2021 và hưởng lãi suất 8,2% một năm.

(c) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu từ một bên liên quan	-	150.656.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	-	1.142.276.852.205
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.828.186.052	2.925.994.360
	4.828.186.052	1.145.202.846.565
	4.828.186.052	1.145.202.846.565

9. Thuế phải thu Nhà nước

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
	7.857.646.110	7.857.646.110
	7.857.646.110	7.857.646.110

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	27.879.006.869	9.282.883.440	-	37.161.890.309
Tăng trong kỳ	-	91.520.000	1.622.028.000	1.713.548.000
Số dư cuối kỳ	27.879.006.869	9.374.403.440	1.622.028.000	38.875.438.309
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	21.099.981.349	6.533.511.665	-	27.633.493.014
Khấu hao trong kỳ	1.273.945.686	376.076.259	112.640.835	1.762.662.780
Số dư cuối kỳ	22.373.927.035	6.909.587.924	112.640.835	29.396.155.794
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.779.025.520	2.749.371.775	-	9.528.397.295
Số dư cuối kỳ	5.505.079.834	2.464.815.516	1.509.387.165	9.479.282.515

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 21.091 triệu VND (1/1/2020: 21.054 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.697.122.903
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 4.697 triệu VND (1/1/2020: 4.697 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí phải trả

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	315.270.909.552	40.224.657.535
Phí tư vấn	10.884.524.666	58.269.755.859
Chi phí khác	38.385.160.035	52.796.041.904
	364.540.594.253	151.290.455.298

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải trả cho đầu tư vốn vào CrownX	2.300.000.000.000	-
Chi trả cổ tức	11.130.000	11.130.000
Phải trả cho các tùy chọn phát hành trong công ty sắp nhập liên quan đến đầu tư vào VCM	-	12.841.200.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	10.368.670.230	680.229
	2.310.379.800.230	12.841.211.810.229

14. Vay và trái phiếu

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)		
Vay ngắn hạn	4.439.479.452.055	1.000.000.000.000
	4.439.479.452.055	1.000.000.000.000
Vay và trái phiếu dài hạn		
Vay dài hạn (**)	2.584.233.116.472	-
Trái phiếu dài hạn (***)	11.140.181.664.538	1.484.676.664.577
	13.724.414.781.010	1.484.676.664.577

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	1.000.000.000.000	5.263.753.424.658	(1.824.273.972.603)	4.439.479.452.055

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm Lãi suất	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay không đảm bảo từ:				
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, công ty con sở hữu gián tiếp	VND	8,2%	599.479.452.055	1.000.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce, công ty con sở hữu gián tiếp	VND	10,3%	3.100.000.000.000	-
▪ Bên thứ ba	VND	6,5%	740.000.000.000	-
			4.439.479.452.055	1.000.000.000.000

() Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay không đảm bảo từ MH, công ty con sở hữu trực tiếp	VND	6,5%	2020 - 2023	2.584.233.116.472	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Trái phiếu dài hạn**

Trái phiếu của Công ty bao gồm các khoản sau:

- 1.500 tỷ VND (1/1/2020: 1.500 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm và chịu lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.
- 10.000 tỷ đồng (1/1/2020: không) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm với lãi suất năm 9,3% trong năm đầu tiên và 2,5% trên năm cộng với lãi suất tiền gửi hợp nhất trung bình 12 tháng lựa chọn các ngân hàng lớn trong các kỳ còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, công ty liên kết của Công ty sở hữu 1.023.272 triệu VND (1/1/2020: 23.260 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	11.631.495.480.000	11.084.416.541.079	(1.695.338.182.568)	3.220.188.542.728	24.240.762.381.239
Phát hành cổ phiếu	57.968.990.000	(60.000.000)	-	-	57.908.990.000
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(47.923.228.382)	(47.923.228.382)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	3.172.265.314.346	24.250.748.142.857
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.570.212.251.610	25.648.695.080.121
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(52.988.561.512)	(52.988.561.512)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.517.223.690.098	25.595.706.518.609

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 10% trên một cổ phiếu (1.000 VND/cổ phiếu) trong vòng 6 tháng kể từ ngày ra nghị quyết này. Cổ tức phải trả sẽ được ghi nhận dựa trên phê duyệt của Hội đồng Quản trị và danh sách cổ đông hưởng quyền được xác định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000
Thặng dư vốn cổ phần		- 11.084.356.541.079		- 11.084.356.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản cổ tức và phân phối khác mà Công ty đã trả, và sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020		Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	-	-	5.796.899	57.968.990.000
Số dư cuối kỳ	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi trả bằng cổ phần

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty quyết định phê duyệt phát hành cổ phiếu cho nhân viên trong năm 2020 hoặc không trễ hơn tháng 5 năm 2021, với số lượng cổ phiếu tối đa không vượt quá 0,5% vốn cổ phần đã phát hành.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.890.061.240	14.006.836.080
Trong vòng hai đến năm năm	6.302.769.000	13.189.412.200
	20.192.830.240	27.196.248.280

(b) Ngoại tệ

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	266	6.144.740	273	6.297.475
		6.144.740		6.297.475

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu	436.477.338.494	89.339.249.043
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	12.078.191.667	85.043.150.686
Thu nhập lãi từ các khoản cho một bên khác vay	854.794.520	11.269.071.189
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	63.182.657
	449.410.324.681	185.714.653.575

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay/phát hành trái phiếu từ:		
▪ Trái chủ và các bên khác	280.706.295.792	135.750.000.000
▪ Các công ty con	85.715.293.113	-
Chi phí phát hành trái phiếu	27.404.999.961	7.500.000.000
Chi phí khác	130.566.250	-
	393.957.155.116	143.250.000.000

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.762.662.780	1.497.187.800
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	106.679.068.297	88.890.694.157
	108.441.731.077	90.387.881.957

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020		Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019	
	%	VND	%	VND
Lỗi kế toán trước thuế	100%	(52.988.561.512)	100%	(47.923.228.382)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(20,00%)	(10.597.712.302)	(20,00%)	(9.584.645.676)
Biến động chênh lệch tạm thời	(1,23%)	(652.368.703)	5,35%	2.565.286.582
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,00%	-	0,15%	70.421.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	21,23%	11.250.081.005	14,50%	6.948.937.671
	-	-	-	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các chênh lệch tạm thời.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan	Góp vốn	5.000.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	300.002.250.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	5.430.690.297	-
	Khoản cho vay đã thu	450.658.250.000	-
	Khoản vay đã nhận	2.852.233.116.472	-
	Chi phí lãi vay	29.095.371.478	-
	Khoản vay đã trả	268.000.000.000	-
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	516.599.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	3.000.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu	3.000.000.000.000	-
	Thanh lý khoản đầu tư	12.841.200.000.000	-
Các công ty con gián tiếp			
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Thu nhập từ lãi cho vay	534.246.575	85.043.150.686
	Khoản cho vay đã cấp	3.000.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã nhận	3.000.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Masan High- Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)	Thu nhập lãi trái phiếu	-	66.361.146.370
	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	1.934.516.166	1.439.326.008
Công ty TNHH Khai Thác Ché Biển Khoáng Sản Núi Pháo	Khoản vay đã nhận	823.753.424.658	-
	Chi phí lãi vay	29.154.442.183	-
	Khoản vay đã trả	1.224.273.972.603	-
	Khoản cho vay đã cấp	400.000.000.000	-
	Thu nhập từ lãi cho vay	2.246.575.342	-
	Khoản cho vay đã thu	400.000.000.000	-
	Thu nhập lãi trái phiếu	-	9.136.986.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	1.781.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu	1.555.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.387.884.932	-
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	Khoản cho vay đã cấp	1.000.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu	1.000.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	1.478.794.521	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Khoản vay nhận được	3.700.000.000.000	-
	Khoản vay đã trả	600.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	27.465.479.452	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Thanh lý đầu tư	516.600.000.000	-
Các bên liên quan khác Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	10.000.000.000.000	-
	Phí phát hành trái phiếu	371.900.000.000	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.250.000.000.000	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	-	1.500.000.000.000
	Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (**)	13.951.660.303

(*) Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Từ 1/1/2020
đến 30/6/2020
VND

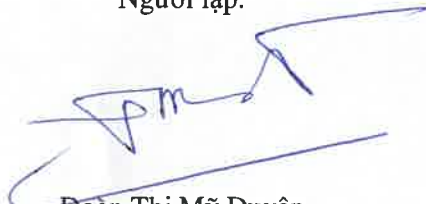
Từ 1/1/2019
đến 30/6/2019
VND

Cán trừ khoản phải thu với khoản phải trả cho khoản đầu
tư vào VCM

12.841.200.000.000

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Danny Le
Tổng Giám đốc



508-C.T.C.P
Y
HIMNH